

- Cơ quan chủ trì thực hiện:

+ Sở Tài chính: Lĩnh vực tài chính, ngân sách...

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư: Lĩnh vực thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư...

+ Sở Xây dựng: Lĩnh vực thẩm định thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình; quản lý đô thị...

+ Sở Tài nguyên và Môi trường: Lĩnh vực quản lý đất đai, môi trường...

+ Sở Nội vụ: Lĩnh vực tổ chức, cán bộ.

+ Các Sở, ngành liên quan: Lĩnh vực thuộc Sở, ngành quản lý.

- Thời gian hoàn thành: năm 2007 (riêng lĩnh vực tổ chức, cán bộ trong năm 2006).

d) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án xã hội hóa trong các lĩnh vực: giáo dục, y tế, văn hóa thông tin, thể dục thể thao, lao động - thương binh và tổ chức triển khai thực hiện.

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Thường trực Ban chỉ đạo xã hội hóa của tỉnh (Sở Nội vụ).

- Cơ quan phối hợp: các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa thông tin, Thể dục thể thao, Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thời gian hoàn thành: năm 2007 - 2010.

đ) Triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong hoạt động một số cơ quan hành chính theo Nghị định số 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ, trên cơ sở Đề án được UBND tỉnh phê duyệt.

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố.

- Thời gian hoàn thành và phê duyệt Đề án: Tháng 01 năm 2007.

- Tổ chức thực hiện năm 2007: Các đơn vị làm thí điểm theo Đề án được UBND tỉnh phê duyệt.

3. Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Xây dựng đề án kiện toàn, nâng cao năng lực của các cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức làm công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện.

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành, địa phương.

- Thời gian hoàn thành: năm 2007 - 2008.

b) Rà soát, đánh giá việc bố trí, sử dụng cán bộ, công chức sau đào tạo trong bộ máy hành chính nhà nước từ tỉnh đến cơ sở, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành, địa phương.

- Thời gian hoàn thành: năm 2007 - 2008.

c) Hoàn thiện, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định số 99/2002/QĐ-UB ngày 13/8/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích cán bộ, công chức của tỉnh học tập, công tác và sinh viên, cán bộ khoa học có trình độ cao về công tác tại tỉnh.

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính và các Sở, ngành, địa phương liên quan.

- Thời gian hoàn thành: năm 2006.

d) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy về phát triển nguồn nhân lực trình Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức triển khai thực hiện.

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

- Cơ quan phối hợp: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan.

- Thời gian hoàn thành: năm 2007 - 2010.

đ) Xây dựng Đề án đào tạo tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức ở miền núi và cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, huyện có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức triển khai thực hiện.

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp: Ban Dân tộc, Sở Tài chính.

- Thời gian hoàn thành: năm 2007 - 2010.

g) Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính và các ngành, địa phương.

- Tổ chức thực hiện: cả 4 năm 2007 - 2010.

h) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa các Nghị định của Chính phủ về nâng ngạch không qua thi và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Nội vụ.
- Cơ quan phối hợp: Các ngành, địa phương liên quan.
- Thời gian hoàn thành: năm 2007.

4. Về cải cách tài chính công

a) Triển khai thí điểm áp dụng lập, phân bổ ngân sách nhà nước theo kết quả đầu ra.

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Tài chính.
- Cơ quan phối hợp: Một số Sở, ngành, địa phương chọn thí điểm
- Thời gian hoàn thành: năm 2007 - 2008.

b) Rà soát, đánh giá hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp có thu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh hướng xử lý.

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Tài chính.
- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ và các Sở, ngành có liên quan.
- Thời gian hoàn thành: năm 2007 - 2008.

c) Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 130/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính trên địa bàn.

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Tài chính.
- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ và các Sở, ngành có liên quan.
- Thời gian hoàn thành: năm 2007 - 2008.

d) Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn.

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Tài chính.
- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ và các Sở, ngành có liên quan.
- Thời gian hoàn thành: năm 2007-2010.

5. Về hiện đại hóa nền hành chính

a) Xây dựng đề án triển khai, phát triển hành chính điện tử trong các cơ quan hành chính nhà nước (kể cả cấp xã, phường, thị trấn) đến năm 2010, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện:

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Bưu chính- Viễn thông.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành, địa phương.
- Thời gian hoàn thành: năm 2007 - 2010.

b) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thiết kế mẫu đối với một số công trình đơn giản hoặc công trình có tính chất áp dụng rộng rãi trên địa bàn tỉnh.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Xây dựng.

- Thời gian hoàn thành: năm 2007 - 2008.

c) Xây dựng Đề án đầu tư, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng trụ sở chính quyền cơ sở xã, phường, thị trấn trình Ủy ban nhân dân tỉnh và triển khai thực hiện.

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành, địa phương có liên quan.
- Thời gian hoàn thành: năm 2007 - 2010.

6. Tổng kết 10 năm thực hiện kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành, địa phương (BCĐ CCHC các ngành, địa phương).
- Thời gian hoàn thành: Quý IV năm 2010.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch này.

2. Ban chỉ đạo cải cách hành chính của ngành, địa phương căn cứ vào kế hoạch này, kết hợp với tình hình thực tiễn của ngành, địa phương xây dựng kế hoạch cải cách hành chính cụ thể, dài hạn, hàng năm để triển khai thực hiện trên những nội dung công việc thuộc thẩm quyền; kiến nghị Ban chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh những vướng mắc có liên quan đến công tác cải cách hành chính của tỉnh.

3. Các cơ quan được giao chủ trì thực hiện những nội dung trong kế hoạch này có trách nhiệm chủ động phối hợp với các ngành, địa phương liên quan, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện, đảm bảo đúng tiến độ đề ra.

Các ngành, địa phương có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan được giao chủ trì hoàn thành tốt nhiệm vụ và tổ chức triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính tại ngành, địa phương mình.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương xây dựng dự toán ngân sách hàng năm về công tác cải cách hành chính của tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt để thực hiện tốt kế hoạch này; hướng dẫn các ngành, địa phương lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí cải cách hành chính đúng quy định của Nhà nước.

5. Sở Nội vụ - Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch này, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Xuân Huế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3499/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án Mô hình kiểm tra sức khỏe và tư vấn tiền hôn nhân cho
vị thành niên, thanh niên tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006- 2010**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 548/QĐ-DSGDTE ngày 14/10/2004 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em Việt Nam về việc xây dựng thực hiện mô hình Kiểm tra sức khỏe và tư vấn tiền hôn nhân giai đoạn 2006-2010;

Xét đề nghị của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em tỉnh tại Tờ trình số 622/TT-DSGDTE ngày 25/12/2006 về việc phê duyệt Đề án Mô hình kiểm tra sức khỏe và tư vấn tiền hôn nhân cho vị thành niên, thanh niên tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006-2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án thực hiện mô hình Kiểm tra sức khỏe và tư vấn tiền hôn nhân cho vị thành niên, thanh niên tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006-2010 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu

1.1 Mục tiêu tổng quát:

Nâng cao hiểu biết và thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản cho nhóm đối tượng từ 15-24 tuổi thông qua việc kiểm tra và tư vấn sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình (SKSS/KHHGD), qua đó góp phần nâng cao chất lượng dân số.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

Đến năm 2010, các địa bàn triển khai thực hiện Đề án đảm bảo đạt các yêu cầu:

- Có trên 90% vị thành niên và thanh niên được tư vấn những nội dung cơ bản về tình bạn, tình yêu; sinh lý tuổi dậy thì; tình dục lành mạnh, an toàn, phòng tránh có thai ngoài ý muốn; nạo phá thai an toàn và hậu quả của nạo phá thai; phòng tránh các bệnh lây truyền qua đường tình dục, kể cả HIV/AIDS.

- Có trên 90% vị thành niên và thanh niên được kiểm tra sức khỏe và được tư vấn trước khi kết hôn.

- Có trên 90% vị thành niên và thanh niên có nhu cầu được cung cấp dịch vụ SKSS/KHHGD an toàn, phù hợp và thuận tiện.

- 100% gia đình và cộng đồng được truyền thông nâng cao nhận thức, đồng tình với mục tiêu đề án và ủng hộ các hoạt động của mô hình.

2. Đối tượng tác động

Mô hình sẽ tác động vào các nhóm đối tượng đặc thù sau đây:

- Vị thành niên trong nhà trường: Lớp 9 thuộc các trường Trung học cơ sở và các lớp 10-12 tại các trường Trung học Phổ thông.

- Thanh niên: Nhóm từ 18 - 24 tuổi đã thôi học hiện đang sinh sống tại các địa phương.

- Gia đình (bố mẹ, phụ huynh của nhóm đối tượng từ 15-24 tuổi).

3. Địa bàn triển khai Đề án

- Năm 2006: Triển khai thực hiện tại 04 xã thuộc 02 huyện.

- Năm 2007: Triển khai thực hiện tại 8 xã thuộc 04 huyện; trong đó: duy trì 04 xã thuộc 02 huyện cũ, triển khai 04 xã thuộc 02 huyện mới.

- Năm 2008: Triển khai thực hiện tại 15 xã thuộc 08 huyện; trong đó: duy trì 08 xã thuộc 04 huyện cũ, triển khai 07 xã thuộc 4 huyện mới.

- Năm 2009: Triển khai thực hiện tại 18 xã thuộc 11 huyện; trong đó duy trì 11 xã thuộc 6 huyện cũ, triển khai 07 xã thuộc 5 huyện mới.

- Năm 2010: Triển khai 20 xã thuộc 13 huyện; trong đó, duy trì 14 xã thuộc 09 huyện cũ, triển khai 06 xã thuộc 4 huyện mới.

4. Các nội dung hoạt động của mô hình

4.1 Hoạt động kiểm tra sức khỏe:

- Đối tượng: Chủ yếu là vị thành niên, thanh niên; ngoài ra các em dưới 15 tuổi có nhu cầu tự đến điểm cung cấp dịch vụ cũng được khám và tư vấn miễn phí. Các trường hợp mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục thông thường được cấp thuốc

điều trị miễn phí. Những trường hợp mắc bệnh nặng hoặc có dấu hiệu bất thường sẽ được chuyển lên tuyến trên điều trị.

- Tổ chức khám, kiểm tra sức khoẻ ban đầu cho vị thành niên theo quy định của Bộ Y tế trong những trường hợp cần thiết, kể cả xét nghiệm máu, dịch âm đạo (hoặc niệu đạo), HIV/AIDS,...

4.2 Hoạt động cung cấp thông tin, tư vấn về SKSS/KHHGD, tiền hôn nhân:

* *Nội dung thông tin, tư vấn cần cung cấp.*

- Cấu trúc bộ máy sinh dục; sinh lý tuổi dậy thì; quá trình thụ thai, dấu hiệu khi có thai; dấu hiệu thai nghén có nguy cơ cao.

- Về tình bạn, tình yêu, hôn nhân và gia đình; kỹ năng sống cho vị thành niên, thanh niên trẻ để tự bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ sinh sản;

- Tình dục an toàn; những nguy cơ và khó khăn gặp phải khi mang thai và sinh con ở tuổi vị thành niên; tác hại của nạo phá thai và cách phòng tránh có thai ngoài ý muốn.

- Các bệnh lây truyền qua đường tình dục, kể cả HIV/AIDS;

5. Tổng kinh phí thực hiện mô hình là

5.1 Kinh phí năm 2006 - 2010: 2.140.000.000 đồng.

Trong đó:

- Nguồn Trung ương: 1.470.000.000 đồng

- Kinh phí tỉnh: 670.000.000 đồng

5.2 Kinh phí thực hiện năm 2006: 200.000.000 đồng (từ nguồn vốn trung ương hỗ trợ).

6. Thời gian thực hiện: 5 năm, từ năm 2006 đến năm 2010.

7. Giải pháp thực hiện

7.1 Nguồn vốn:

* *Nguồn vốn Trung ương.*

- Triển khai mới mô hình.

- Tổ chức các hoạt động kiểm tra sức khoẻ sinh sản và tư vấn tiền hôn nhân cho vị thành niên và thanh niên tại địa bàn thực hiện mô hình.

- Sản xuất các tài liệu truyền thông, mua sắm trang thiết bị.